

Số: 2315/GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 08 tháng 11 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất và gia công rèm các loại, màn cửa các loại, chần màn các loại của Công ty TNHH dệt may nội thất Ánh Mặt Trời Việt Nam;*

*Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH dệt may nội thất Ánh mặt trời Việt Nam tại Văn bản số 0812/CV-AMT ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc đề nghị thẩm định cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 0610/CV-AMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất và gia công rèm các loại, màn cửa các loại, chần màn các loại tại ấp Suối Cao B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 724/TTr-STNMT ngày 20 tháng 10 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH dệt may nội thất Ánh mặt trời Việt Nam, địa chỉ ấp Suối Cao B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất và gia công rèm các loại, màn cửa các loại, chần màn các loại tại ấp Suối Cao B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:**

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất và gia công rèm các loại, màn cửa các loại, chần màn các loại.

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: ấp Suối Cao B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.



1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3900953868 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06 tháng 01 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại mã số dự án 8783337386 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2011, chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 08 tháng 03 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 3900953868.

1.5. Loại hình Dự án: sản xuất và gia công: rèm các loại, màn cửa các loại, chăn màn các loại, khẩu trang vải các loại; sản xuất hàng may sẵn, nguyên phụ liệu cho hàng may mặc và hàng dệt may; sản xuất dây dệt các loại; sản xuất vải lưới (dụng) các loại; sản xuất và gia công gổ các loại; sản xuất nguyên phụ liệu các loại dùng cho gổ; cho thuê nhà xưởng để sản xuất, gia công khẩu trang, hàng may mặc; cho thuê văn phòng và ký túc xá.

1.6. Phạm vi, quy mô của Dự án đầu tư:

1.6.1. Quy mô: Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.6.2. Tổng diện tích: 14.058,2 m<sup>2</sup>.

1.6.3. Công suất: sản xuất và gia công: rèm các loại với quy mô 1.000.000 bộ/năm, màn cửa các loại với quy mô 1.000.000 bộ/năm, chăn màn các loại với quy mô 1.000.000 cái/năm, khẩu trang vải các loại với quy mô 200.000 sản phẩm/năm; sản xuất hàng may sẵn với quy mô 350.000 sản phẩm/năm, nguyên phụ liệu cho hàng may mặc và hàng dệt may với công suất 200 tấn/năm; sản xuất dây dệt các loại với quy mô 10.500.000 mét/năm; sản xuất vải lưới (dụng) các loại với quy mô 5.000.000 mét/năm; sản xuất và gia công gổ các loại với quy mô 1.000.000 sản phẩm/năm; sản xuất nguyên phụ liệu các loại dùng cho gổ với quy mô 1.000 tấn/năm; cho thuê nhà xưởng để sản xuất, gia công khẩu trang, hàng may mặc, giày dép với diện tích 3.000 m<sup>2</sup>; cho thuê nhà kho với diện tích 1.000 m<sup>2</sup>; cho thuê văn phòng với diện tích 200 m<sup>2</sup> và cho thuê ký túc xá với diện tích 300 m<sup>2</sup>.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.



**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH dệt may nội thất Ánh mặt trời Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH dệt may nội thất Ánh mặt trời Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND xã Phước Đông, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2980/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép môi trường có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. *ll*

Nơi nhận: *ll*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND xã Phước Đông;
- Công ty TNHH dệt may nội thất Ánh mặt trời Việt Nam;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Chiến**



**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23.15.../GPMT – UBND  
ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Lý do toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án được thu gom, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNM, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, nước thải sau đó được dẫn qua thiết bị lọc RO để tái sử dụng 100% cho các hoạt động của Dự án như: hoạt động sản xuất (dùng cho công đoạn làm mát của quy trình sản xuất nguyên phụ liệu các loại dùng cho gói, nước pha keo, nước rửa dây thun); rửa đường; vệ sinh nhà xưởng, nhà vệ sinh,... không xả thải ra môi trường.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại các khu vực: nhà xưởng, văn phòng, văn phòng và nhà xưởng cho thuê với lưu lượng lớn nhất 22,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, có 03 bể tự hoại bố trí tại các khu nhà vệ sinh (bao gồm: 01 bể có thể tích 10 m<sup>3</sup>, 01 bể có thể tích 07 m<sup>3</sup>, 01 bể có thể tích 03 m<sup>3</sup>). Nước thải sinh hoạt sau các bể tự hoại được thu gom bằng đường ống PVC D60, D114 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất xử lý 55 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất bao gồm: nước thải từ xả đáy lò hơi với lưu lượng lớn nhất 2 m<sup>3</sup>/3 tháng (định kỳ theo chế độ vận hành của lò hơi) và nước thải của đơn vị thuê xưởng để sản xuất (nước thải phát sinh từ quá trình rửa dây thun sau công đoạn dệt sợi cao su của quy trình sản xuất dây thun) lưu lượng 22 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống PVC D60, D114 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất xử lý 55 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất 55 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý theo phương án nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNM, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, sau đó nước thải được dẫn qua thiết bị lọc RO để tái sử dụng 100% cho các hoạt động của Dự án như hoạt động sản xuất (dùng cho công đoạn làm mát của quy trình sản xuất nguyên phụ liệu các loại dùng cho gói, nước pha keo, nước rửa dây thun); tưới cây; rửa đường; vệ sinh nhà xưởng, nhà vệ sinh vệ sinh,... không xả thải ra môi trường.



## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

### 1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý, đầu nổi nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại khu nhà vệ sinh của khu vực văn phòng, nhà xưởng → bể tự hoại → hệ thống xử lý nước thải của Dự án có công suất xử lý 55 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nước thải sản xuất: nước thải từ xả đáy lò hơi và nước thải của đơn vị thuê xưởng để sản xuất (nước thải phát sinh từ quá trình rửa dây thun sau công đoạn dệt sợi cao su của quy trình sản xuất dây thun) → hệ thống xử lý nước thải của Dự án có công suất xử lý 55 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải của Dự án có quy trình công nghệ như sau: nước thải → hồ thu → bể điều hòa → bể kỵ khí → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng sinh học → bể trung gian 1 → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng → bể trung gian 2 → thùng than hoạt tính → bể khử trùng → thùng chứa → đạt QCVN 40:2011/BTNM, cột A.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNM, cột A → cột lọc bảo hộ → thiết bị lọc RO → Bồn chứa nước tái sử dụng.

- Nước thải sau khi lọc RO được lưu chứa trong 02 bồn chứa nước, thể tích 5.000 lít/bồn, để tái sử dụng cho các hoạt động của Dự án.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, Chlorine.

### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 03 bể tự hoại (kích thước: 10m<sup>3</sup>/bể, 07m<sup>3</sup>/bể, 03m<sup>3</sup>/bể), kết cấu vật liệu bê tông cốt thép;

- 01 hồ thu, kích thước: 1,2m x 1,2 m x 4 m; vật liệu RC

- 03 bể điều hòa, kích thước: 1,2m x 1,2m x 4m; vật liệu RC;

- 01 bể kỵ khí, kích thước: 2m x 1,5m x 3,5m, vật liệu SS400;

- 02 bể thiếu khí, kích thước: Ø1,9m x 2,5m, vật liệu SS400;

- 01 bể hiếu khí, kích thước: 4m x 2,5m x 3,5m, vật liệu SS400;

- 01 bể lắng sinh học, kích thước: 2,5m x 2,2m x 3,5m, vật liệu SS400;

- 01 bể trung gian 1, kích thước: 1,2m x 1,2m x 4m, vật liệu RC;

- 01 bể keo tụ, kích thước: 1,0m x 0,6m x 2m, vật liệu SS400;

- 01 bể tạo bông, kích thước: 1,0m x 0,9m x 2m, vật liệu SS400;

- 01 bể lắng hóa học, kích thước: 2,5m x 2,5m x 3,5m, vật liệu SS400;

- 01 bể trung gian 2, kích thước: 1,5m x 1,5m x 3,5m, vật liệu SS400;

- 01 thùng khử trùng, kích thước: 2.000 lít, vật liệu PE;

- 01 thùng chứa, kích thước: 1.000 lít, vật liệu PE;

- 01 hệ thống lọc RO, vật liệu màng lọc Huitong 8040;

- 02 thùng chứa nước tái sử dụng, kích thước 5.000 lít/bồn, vật liệu PE;
- 01 bể chứa bùn, kích thước: 1,2m x 1,2m x 4m, vật liệu RC.

1.2.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.2.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị thiết bị dự phòng để vận hành các công trình xử lý chất thải và ứng phó, khắc phục sự cố.
- Nhân viên vận hành các công trình xử lý chất thải được đào tạo về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý.
- Hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.
- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý chất thải.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Ba (03) tháng kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải, có công suất xử lý 55 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 mẫu nước thải đầu vào tại hồ thu gom.
- 01 mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống lọc RO.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải; bao gồm các thông số: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Amoni, tổng Nitơ, tổng Photpho, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliforms.

- Giá trị giới hạn: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp – QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước



thải công nghiệp – QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Lập sổ nhật lý vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc tái sử dụng nước thải cho các hoạt động của dự án.

## Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...2.5/5...../GPMT-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành lò hơi công suất 0,5 tấn hơi/giờ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

Dòng khí thải số 01: tại 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 1. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X= 1.227.740; Y = 590.178 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 1.000 m<sup>3</sup>/giờ;

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

Dòng khí thải số 01: bụi, khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

Đối với dòng khí thải số 1: chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số K<sub>p</sub> = 1,0, K<sub>v</sub> = 1,0 trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn số 1: lắp đặt ống thải cho lò hơi 0,5 tấn hơi/giờ (sử dụng nhiên liệu là dầu DO), ống thoát cao 11m tính từ mặt đất.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

Quy trình công nghệ:

- Nguồn số 01: Lò hơi sử dụng nhiên liệu dầu DO (có hàm lượng lưu huỳnh thấp 0,05%) nên không lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải; khí thải từ lò hơi thu gom về ống thải của lò hơi, xả trực tiếp ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Nếu sự cố không tự khắc phục tại chỗ thì Công ty sẽ ngừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh khí thải, bụi để sửa chữa, khắc phục đến khi sự cố được khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục vận hành lò hơi và các máy móc thiết bị khác để phục vụ sản xuất.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với hệ thống thoát khí thải lò hơi theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn nhân lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22/5./GPMT-UBND  
 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Nguồn số 01: phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung;

Nguồn số 02: phát sinh từ hoạt động của lò hơi công suất 0,5 tấn hơi/giờ;

Nguồn số 03: phát sinh từ dây chuyền sản xuất dây dệt.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Vị trí số 1 (tương ứng nguồn số 1): X = 1.227.755; Y = 590.178;

Vị trí số 2 (tương ứng nguồn số 2): X = 1.227.740; Y = 590.173;

Vị trí số 3 (tương ứng nguồn số 3): X = 1.227.602; Y = 590.030.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	1 năm/lần	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	1 năm/lần	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:



+ Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.

+ Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.

+ Bố trí các máy móc hợp lý, các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo trì bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

+ Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

+ Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt,...

+ Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.

+ Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2315.../GPMT-UBND*  
*ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	32	Rắn
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	23	Lỏng
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	30	Rắn
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	22	Rắn
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	11	Rắn
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải <sup>(KS)</sup>	18 01 03	280	Rắn
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>398</b>	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Mã CT	Khối lượng (tấn/năm)
1	Phế phẩm vải thải	12 09 09	400,21
2	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	1,3
3	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 13	21,8
<b>Tổng cộng</b>			<b>423,31</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	91,25
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>91,25</b>



## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa có nắp đậy.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Một (01) kho lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 10 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: có tường gạch bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

#### 2.1.3. Phương án xử lý:

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bao bì, thùng chứa.

#### 2.2.2. Kho lưu chứa:

- Một (01) kho lưu chứa chất thải thông thường, diện tích 26 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: kho lưu chứa có tường gạch bao quanh, mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

#### 2.2.3. Phương án xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- Phương án xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thiết kế kho chứa hóa chất phải đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 11/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa hóa chất quy định QCVN 05:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy tại các khu vực chứa hóa chất, khu vực chứa nguyên liệu, khu vực xưởng sản xuất, đảm bảo chất lượng và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy. Đồng thời, trình phương án phòng cháy chữa cháy của dự án đến cơ quan chức năng để được xem xét và phê duyệt.

- Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Xây dựng các chương trình huấn luyện, tập huấn cho công nhân viên những kiến thức về an toàn lao động, công tác cứu hộ, sơ tán khi có sự cố cháy nổ xảy ra.



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23/5./GPMT-UBND  
ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

Không có

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý để tái sử dụng. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải, phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số  $K_p = 1$  và  $K_v = 1$  và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT – BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm

soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./.